

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG MẦM NON NOONG BUA
(Lần thứ 10)

Căn cứ thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường mầm non;

Quyết định số 317/QĐ- UBNDTP ngày 26 tháng 1 năm 2022 của UBND thành phố Điện Biên Phủ, về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường các trường mầm non thành phố Điện Biên Phủ, nhiệm kỳ 2022- 2027;

Căn cứ Biên bản thống nhất của Hội đồng trường;

Hội đồng trường trường mầm non Noong Bua nhất trí thông qua Nghị quyết như sau,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch năm học 2024-2025; kế hoạch chỉ đạo chuyên môn; kế hoạch Công tác công đoàn, Đoàn TN; các chỉ tiêu phấn đấu trong năm học 2024-2025.

1. Chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp (số trẻ, số nhóm lớp, số lớp)

Phấn đấu huy động: Trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 50% trở lên; trẻ mẫu giáo đạt 100% trở lên; trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%.

I. CÁC DANH HIỆU - THI ĐUA (tập thể, cá nhân)

1. Chỉ tiêu, nội dung.

- Chỉ tiêu của Phòng Giáo dục giao theo văn bản số 539 /PGDĐT – TCCB ngày 20/4/2024 về việc giao chỉ tiêu tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo 2024(năm học 2024- 2025), huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp:

+ Trẻ nhà trẻ: đạt 50%

+ Trẻ 3 - 5 tuổi: đạt 100%

+ Trẻ 5 tuổi: đạt 100%

- Chỉ tiêu của Phòng Giáo dục giao về số lớp: 9 lớp với 243 cháu

Trong đó:

+ Nhà trẻ: 2 lớp = 56 cháu

+ Mẫu giáo: 7 lớp = 187 cháu (trẻ 5 tuổi 72 HS)

- Kế hoạch đang thực hiện của trường về số lớp: 9 lớp với 183 cháu; thiếu 60 cháu theo kế hoạch phòng.

- Phân đầu sẽ tiếp tục duy trì trẻ trong độ tuổi ra lớp đến cuối năm đảm bảo với kế hoạch giao.

- Phân đầu đạt các chỉ tiêu sau

- Tỷ lệ trẻ chuyên cần bình quân toàn trường đạt: 99-95% trở lên%. Tỷ lệ trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng việt đạt 100%.

III. CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Chất lượng đội ngũ:

1.1. Các hoạt động chuyên môn của giáo viên

a) Chỉ tiêu, nội dung

**** Chất lượng giáo viên***

- 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn;

- 100% giáo viên được học tập, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, BDTX;

+ Kết quả hội thi giáo viên giỏi:

- Phân đầu 18/19 đạt 94.7% đạt giáo viên dạy giỏi các cấp, trong đó: Cấp trường 11/19 cô đạt 44 %; Cấp thành phố 6/19 cô đạt 31.6 %; Cấp tỉnh 2/19 đạt 16 %; loại khá 0 cô đạt 0 %, không có giáo viên trung bình, yếu kém.

+ Giáo viên biết UDCNTT vào giảng dạy: 19/19 GV tỷ lệ 100%. Nữ 100%

+ Kết quả đánh giá xếp loại chất lượng giáo viên cuối năm:

+ Giáo viên xếp loại giỏi về chuyên môn: 19 /19 đ/c đạt 100 %, loại khá :0/19 đ/c đạt 0 %; loại TB: 0 % ;

- Có đồ dùng đồ chơi tự tạo, sản phẩm ứng dụng CNTT trong nhà trường.

**** Xếp loại hồ sơ giáo án***

- Tốt 18/19 đ/c đạt 94,7%, loại khá: 1 /19 đ/c đạt 6,3 % ; loại TB: 0 % ;

- Giảm tải hồ sơ sổ sách của nhà trường, giáo viên theo đúng điều lệ trường mầm non.

1.2. Công tác bồi dưỡng thường xuyên

a) Chỉ tiêu xếp loại bồi dưỡng giáo viên thường xuyên

- Xếp loại giỏi: 15/19 giáo viên tỷ lệ 82,3%

- Xếp loại khá: 4/19 giáo viên tỷ lệ 17,7%

- Xếp loại TB: 0 đ/c

b) Nội dung

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu các đợt tập huấn phát triển các mô đun ưu tiên, đảm bảo 100% CBQL và GVMN được tập huấn các mô đun đã bồi dưỡng trong hè.

1.3. Xếp loại chất lượng, viên chức, chuẩn hiệu trưởng, hiệu phó, chuẩn giáo viên.

a) Chỉ tiêu, nội dung

* Xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng: 3/3 đ/c xếp loại tốt ; Tỷ lệ nữ đạt $3/3 = 100\%$;

* Xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp: tốt 17/19 đạt tỷ lệ 89,5 %; loại khá 2/19 đạt tỷ lệ 10,5%; không có giáo viên xếp loại Đạt, Chưa đạt.; Tỷ lệ nữ 100%;

- 100% Cán bộ, giáo viên nhận thức được mục đích, ý nghĩa và tác dụng của việc xếp loại CBGV theo các Thông tư, Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các Chuẩn đã ban hành.

2. Chất lượng chăm sóc giáo dục:

2.1. Công tác chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng

a) Chỉ tiêu, nội dung

- Từ 98 – 99 % số trẻ có sức khỏe ở kênh bình thường, giảm trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm nhẹ cân , trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi ... Cụ thể đến kết thúc năm học:

+ Trẻ phát triển BT: 180/183 đạt tỷ lệ: 98,36 % ; Tỷ lệ nữ đạt 86/180 đạt 47,78%; dân tộc: 42/180 đạt 23.3%

+ Trẻ SDD thể gầy còm nhẹ cân: 3/183 đạt tỷ lệ: 1,64 % ; (nữ: 0, dân tộc: 0)

+ Trẻ SDD thể gầy còm mức độ nặng : không

+ Thừa cân (nguy cơ béo phì): 0

+ Béo phì : 0 đạt tỷ lệ: 0%

- Chiều cao:

+ Trẻ phát triển BT: 180/183 đạt tỷ lệ: 98,36 % ; Tỷ lệ nữ đạt 86/180 đạt 47,78%; dân tộc: 42/180 đạt 23.3%

+ Trẻ SDD thể thấp còi: 2 /219 đạt tỷ lệ: 0,9 %;

+ Trẻ SDD thể thấp còi mức độ nặng : không

- BMI: 100% trẻ trên 60 tháng đạt BMI bình thường

- 100% trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường.

- 100% trẻ được cân, đo và theo dõi bằng biểu đồ theo quy định; 100% trẻ được khám chuyên khoa sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần; 100% trẻ được rửa tay bằng xà phòng dưới vòi nước (Nước ấm về mùa đông); 100% trẻ được uống nước sôi để nguội, súc miệng bằng nước muối loãng sau khi ăn, đối với trẻ MG lớn được đánh răng sau khi ăn.

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần. Không có trường hợp nào bị ngộ độc thực phẩm.

- 100% trẻ có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân và được ký hiệu riêng cho từng trẻ như: Khăn, ca, cốc...

- Đảm bảo 100% an toàn tính mạng tuyệt đối cho trẻ, phòng tránh các tai nạn thương tích và phòng tránh thất lạc. Tập huấn cho 100% giáo viên biết cách phòng chống và xử lý hóc sặc, ngộ độc, tai nạn, phỏng bỏng, điện giật

- 100% trẻ được tiêm và uống vắc xin, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

- 100% các lớp thực hiện nghiêm túc lịch vệ sinh và giáo dục trẻ biết vệ sinh cá nhân như: rửa mặt, rửa tay sau khi đại tiểu tiện,...

- 100% trẻ được ăn đủ lượng và đủ chất theo khẩu phần ăn của từng độ tuổi.

- Thực hiện tốt các quy định về phòng, chống các bệnh truyền nhiễm cho trẻ như: Bệnh tay - chân - miệng; đau mắt đỏ; thủy đậu; cúm AH5N1, Covid,...

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Chỉ tiêu, nội dung

- 95 - 98% trở lên trẻ đạt yêu cầu các mục tiêu của chương trình theo quy định của Bộ giáo dục; trẻ mạnh dạn tự tin, có kỹ năng giao tiếp tốt, trẻ ngoan, lễ phép.

*** Chất lượng chung:**

- Tổng số được đánh giá sự phát triển của trẻ trong toàn trường: 183 trẻ;
Trong đó:

+ Nhà trẻ 27 trẻ:

- Số lượng trẻ đạt: $25/27 = 92,6 \%$; Tỷ lệ nữ đạt $16/25 = 64\%$

- Số lượng trẻ chưa đạt : $2/27 = 7,4\%$; Tỷ lệ nữ đạt 0

+ Mẫu giáo 189 trẻ:

- Số lượng trẻ đạt: $156/156 = 100 \%$; Tỷ lệ nữ đạt $70/156 = 44,87\%$

- Số lượng trẻ chưa đạt: 0 Tỷ lệ nữ: 0

- Chất lượng chung:

+ Bé chăm đạt: $179/183$ tỷ lệ 97.81% . Nữ $86/179$ tỷ lệ 48.04% ;

+ Bé ngoan đạt: $179/183$ tỷ lệ 97.81% . Nữ $86/179$ tỷ lệ 48.04% ;

+ Bé sạch đạt: $183/183$ trẻ tỷ lệ 100% . Nữ $86/183$ tỷ lệ 47% ;

+ Bé khỏe bé ngoan: $132/183$ tỷ lệ 72.13% .

- 100% các lớp nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN do BGD ban hành

- Tiếp tục nâng cao thực hiện Bộ chuẩn PTTENT để hỗ trợ thực hiện Chương trình GDMN sau khi chỉnh sửa đảm bảo chất lượng, phối hợp giữa gia đình và nhà trường theo dõi sự phát triển của trẻ thông qua việc đánh giá trẻ đạt được ở mỗi chủ đề. Cuối năm học tổ chức tổng kết thực hiện Bộ chuẩn PTTENT cấp trường theo hướng dẫn.

2.1. Công tác xã hội hoá giáo dục.

- Trình với UBND phường các khoản thu – chi thỏa thuận và xã hội hoá, vận động tài trợ năm học 2024-2025. Phối kết hợp với các đoàn thể, công đồng xã hội huy động tối đa số lượng trẻ trong độ tuổi đến trường, nâng cao nhận thức về cấp học mầm non, để phối hợp nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục học sinh.

2.2. Các khoản thu:

*** Dịch vụ ăn bán trú: 39.000đ/ngày**

Trong đó:

+ Tiền ăn 28.000đ/ học sinh/ngày. Trong đó các bữa ăn cụ thể:

Nhà trẻ: 2 bữa chính, 2 bữa phụ (4 bữa)

Mẫu giáo 1 bữa chính, 2 bữa phụ (3 bữa)

+ Tiền công phục vụ bán trú: 9.000đ/ ngày ăn/ học sinh

- + Tiền cơ sở vật chất bán trú: 2.000đ/ngày/học sinh
- + Mua đồ dùng phục vụ công tác dọn vệ sinh cho nhà bếp, các lớp: Chổi chít, chổi lau nhà, chổi nhựa, chổi rế, găng tay cao su, hót rác...
- + Mua đồ vệ sinh hàng ngày cho trẻ: Giấy vệ sinh, xà phòng, vìm lau nhà, vìm bồn cầu, bột thông cống, xà phòng giặt khăn, nước rửa tay Laiboy...
- + Mua bổ sung bát, thìa, rổ, rá, xô, chậu, dao, thớt, mua bổ sung đồ dùng cần thiết cho bếp ăn bán trú; mua bổ sung chiếu cho học sinh các lớp, mua xoong, sửa chữa nhỏ phục vụ bán trú...

b Dịch vụ trông trưa: 5.000đ/ ngày ăn/ học sinh

c. Dịch vụ dọn vệ sinh: 90.000đ/ học sinh/ năm học. dự kiến thu 14.580.00đ

Trong đó:

Dọn vệ 9 lớp, vệ sinh trung của trường

(Thuê từ tháng 9 năm 2024 đến hết tháng 8 năm 2025 (12 tháng x 1.130.000đ/1 tháng = 13.560.000đ)

Mua đồ dùng dọn vệ sinh = 1.020.000đ

3.2. Các khoản vận động, tài trợ

(Trên tinh thần vận động, kêu gọi các tổ chức các nhân, các nhà hảo tâm, tự nguyện ủng hộ, để hỗ trợ CSVC và tổ chức các hoạt động trong nhà trường năm học 2024-2025. Không qui định mức bình quân)

a. Tăng cường Cơ sở vật chất trường lớp: Dự kiến tổng dự toán huy động tài trợ: 32.400.000đ

Mua thảm cỏ nhựa nhân tạo, mua cầu trang trí sân khấu, dây cò, màu 3D, tranh tuyên truyền cho hoạt động chăm sóc giáo dục mầm non. Qua tranh ảnh chăm sóc giáo dục trẻ. theo chương trình mầm non hiện nay

b. Hỗ trợ các hoạt động học tập và phong trào của học sinh: Dự kiến tổng dự toán huy động tài trợ cho học tập và phong trào của học sinh: 32.400.000

(Chỉ cho hội thi BKBN cấp trường, tổ chức giao lưu “Bé với ngày hội các văn hoá dân tộc”, bồi dưỡng học sinh văn nghệ các ngày lễ hội).

Nhà trường vận động các bậc phụ huynh ủng hộ nguồn xã hội hóa giáo dục trên tinh thần đóng góp tự nguyện, không cố định mức thu.

*** Hình thức thu**

- Ủng hộ 2 đợt/năm học.

+ Đợt 1: Ủng hộ từ ngày 10/2024 đến 15/11/2024.

+ Đợt 2: Ủng hộ tháng từ 16/11 đến 12/2024

(Trong khi thu nếu phụ huynh có nhu cầu đóng các khoản cùng 1 lần thì nhà trường thu theo nhu cầu của phụ huynh.)

- Trong quá trình nhà trường thực hiện dự toán, nội dung chỉ có thể điều chỉnh sao cho phù hợp với thực tế.

4. Khoản thu theo quy định (Học phí)

1. Học phí (Bắt buộc đối với tất cả học sinh)

Thực hiện theo Nghị quyết 04/2024/NQ-HĐND, ngày 16/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

ĐVT: VNĐ

ĐVT: VNĐ

Nội dung	SL HS	Định mức	Tháng	Thành tiền
Học sinh	181	40.000	9	67.750.000
Tổng số tiền dự kiến thu được				67.750.000
Chi 40% cải cách tiền lương				27.7100.000
Chi 60% chi hoạt động				40.650.000

5. Công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia, kiểm định chất lượng.

- Giữ vững và thâm định trường chuẩn Quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng mức độ III.

- Làm tốt công tác tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên phủ tạo chỉ đạo và tạo mọi điều kiện luôn đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật giữ vững và thâm định lại đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng GD mức độ 3.

- Làm tốt công tác nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ, nâng cao chất lượng đội ngũ.

- Thường xuyên cải tạo môi trường gần gũi, thân thiện, xanh, sạch, đẹp và an toàn.

5. 1. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Tập trung các giải pháp hiệu quả nhất để duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Nắm vững mục tiêu, điều kiện, tiêu chuẩn, qui định, nghiệp vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Chỉ đạo giáo viên điều tra, cập nhật chính xác thông tin trẻ biến động từ 0-5 tuổi hàng năm trên địa bàn tổ dân phố được phân công phụ trách, vào phiếu theo dõi, báo cáo số liệu 3 lần/năm cho cán bộ phụ trách phổ cập, nhập dữ liệu phần mềm PCGDMNCTNT theo kế hoạch.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra các hoạt động giáo dục của giáo viên ở từng chủ đề theo Chương trình Giáo dục mầm non, chỉ đạo giáo viên phối chặt chẽ với các bậc phụ huynh nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày, cuối năm 100% trẻ hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non, đảm bảo đủ số ngày trẻ đi học theo quy định.

- Tạo mọi điều kiện cho trẻ (Đặc biệt là trẻ 5 tuổi) đến trường đều được ăn, ngủ bán trú tại trường và được học 2 buổi/ngày; được hưởng quyền lợi, chế độ chính sách của nhà nước theo quy định.

6.1. Công tác đoàn thể.

- Chi bộ phân đấu: Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.
- Công đoàn phân đấu đề nghị Liên đoàn lao động tỉnh tặng bằng khen.
- Đoàn thanh niên phân đấu chi đoàn vững mạnh tiêu biểu.

*** Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.**

Điều 2. Thông qua kế hoạch năm học 2024-2025 (Kế hoạch đính kèm)

Điều 3. Thông qua dự toán thu, chi các nguồn xã hội hóa của trường năm học 2024-2025 (Đính kèm dự toán)

*** Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.**

Điều 4. Thông qua việc tổ chức nhân sự phân công nhiệm vụ năm học 2024-2025 (Đính kèm Quyết định và danh sách phân công nhiệm vụ)

*** Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%**

Điều 5. Thông qua các loại quy chế và các loại KH năm học 2024-2025.

*** Tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.**

Điều 6. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các TV.HĐT;

- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Lý